

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 857/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 620/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 519/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường X, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Số 0, Đường X, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 16/08/2023, bản tự khai ngày 07/11/2023; 29/11/2023, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/11/2023 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 29/11/2023, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H quen biết và chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/01/2018. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình

thường hạnh phúc, không có chuyện gì xảy ra. Đến tháng 09/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn H ngoại tình bên ngoài và có hành vi bạo lực gia đình đánh bà T nhiều lần. Sau một khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong gia đình. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho tới nay. Nhận thấy tình cảm giữa bà T và ông H đã không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Song N (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/2019. Khi ly hôn, bà Trần Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Trần Song N. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại trẻ Nguyễn Trần Song N đang sống cùng bà Trần Thị T tại địa chỉ Đường X, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng bà không có tài sản chung, cũng không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay mà không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Căn cứ vào các biên bản tổng đạt ngày 10/11/2023, ngày 28/12/2023 và ngày 05/12/2023 ông Nguyễn Văn H đã trực tiếp ký nhận văn bản do vậy ông H hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ Số 0, Đường X, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H.

- Bà Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị T.

[3] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2018, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/01/2018 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T trình bày: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H quen biết và chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/01/2018. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc, không có chuyện gì xảy ra. Đến tháng 09/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn H ngoại tình bên ngoài và có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà T nhiều lần. Sau một khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong gia đình. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho tới nay. Nhận thấy tình cảm giữa bà T và ông H đã không còn, hôn nhân không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Văn H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H. Ông H đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hoặc yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn điều đó cho thấy ông đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, ông H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Căn cứ vào Công văn số 4232/UBND ngày 15/11/2023 của Ủy ban nhân dân xã C về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị T và ông

Nguyễn Văn H có nội dung như sau: “Trong thời gian chung sống với nhau giữa ông H và bà T có xảy ra mâu thuẫn hay không thì Ủy ban nhân dân xã C không nắm rõ. Bà T và ông H chung sống với nhau có 01 người con và hiện tại trẻ đang sống cùng bà T. Hoàn cảnh kinh tế và công việc của bà T thì Ủy ban nhân dân xã C không nắm rõ. Công việc hiện tại của ông H là kinh doanh điện thoại di động tại ấp A, xã C”.

Xét thấy bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Từ các nhận định trên và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Văn H.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ lời khai của bà Trần Thị T thì: Quá trình chung sống, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Song N (giới tính: Nữ), sinh ngày 16/7/2019. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Trần Song N. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại trẻ Nguyễn Trần Song N đang sống cùng bà Trần Thị T tại địa chỉ Đường X, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Xét trẻ Nguyễn Trần Song N đang sống chung với bà T, bà T đã và đang chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ N. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của trẻ về mọi mặt. Hội đồng xét xử giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về con chung: Giao 01 con chung tên là Nguyễn Trần Song N cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi

ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T xác định quá trình chung sống cùng ông Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không nợ ai.

Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Văn H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H chấm dứt. Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Hành, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An cấp ngày 08/01/2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là trẻ Nguyễn Trần Song N (giới tính: nữ), sinh ngày 16/7/2019 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông H cho đến khi bà T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị T xác định không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề tài sản chung giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị T xác định không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến vấn đề nợ chung giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H.

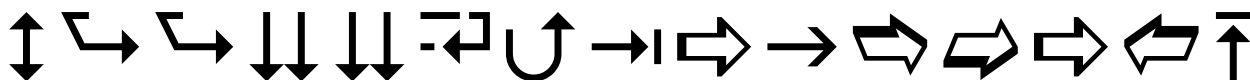
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020532 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã Nghĩa Hành, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).



TM
HỘI
ĐỒNG
XÉT
XỬ S
THẨM
PHÁN
- CH
TỌA
PHIẾ
TÒA

Trần
Th
Tham
Huy